

16. Nơi tam trú⁽⁵⁾:

17. Nơi ở hiện tại (chỉ kê khai nếu khác nơi thường trú hoặc không có nơi thường trú, nơi tạm trú) ⁽⁵⁾:
18. Tình trạng hôn nhân: ☐ Chưa kết hôn ☐ Đang có vợ/chồng ☐ Đã ly hôn hoặc có vợ/chồng nhưng đã chết.
19. Mối quan hệ với chủ hộ.....
20. Số thuê bao di động:..... 21. Địa chỉ thư điện tử:.....
22. Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân, số chứng minh nhân dân 09 số của chủ hộ và các thành viên hộ gia đình.

TT	Họ, chữ đệm và tên	Mối quan hệ với chủ hộ	Số CMND 09 số	Số định danh cá nhân

23. Số hồ sơ cư trú ⁽⁶⁾:
- PHÊ DUYỆT
CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ
QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
- CÁN BỘ THU THẬP**
(Ký, ghi rõ họ tên)
- NGƯỜI KÊ KHAI/
NGƯỜI KÊ KHAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Viết in hoa đủ dấu. ⁽²⁾ Ghi đầy đủ địa danh hành chính cấp: xã, tỉnh (trừ trường hợp đăng ký khai sinh, quê quán ở nước ngoài) ⁽³⁾ Ghi quốc tịch khác và ghi rõ tên quốc tịch nếu công dân có 02 quốc tịch trở lên. ⁽⁴⁾ Đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch khi kê khai thì để trống mục này ⁽⁵⁾ Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, xóm, làng; thôn, ấp, bản, buôn, phum, sóc; xã/phường/đặc khu; ⁽⁶⁾ Cán bộ Công an ghi mục này.

* Khi thu thập thông tin dân cư đối với người gốc Việt Nam chưa xác định quốc tịch thì kê khai các thông tin cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Căn cước tương ứng với các thông tin cá nhân quy định tại biểu mẫu này; Đối với các thông tin không có hoặc không thu thập được thì để trống.